

Số: 269/TTr-UBND

Bắc Giang, ngày 08 tháng 9 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc thông qua đồ án Quy hoạch chung đô thị Việt Yên,
tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000**

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BXD, ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Công văn số 661/TTg-CN ngày 23/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chung 05 đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 26/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Thông báo số 1841-TB/TU ngày 10/8/2023 của Tỉnh ủy Bắc Giang ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy về ý tưởng Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Thông báo số 1877-TB/TU ngày 28/8/2023 của Tỉnh ủy Bắc Giang thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000;

Căn cứ Thông báo số 1882-TB/TU ngày 29/8/2023 của Tỉnh ủy Bắc Giang thông báo Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000

Để có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định, UBND tỉnh Bắc Giang đề nghị Hội đồng Nhân dân tỉnh Bắc Giang thông qua đề án Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. LÝ DO, SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Theo Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 24/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Việt Yên đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000, với mục tiêu cụ thể hóa các định hướng chiến lược của Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch chuyên ngành có liên quan để xây dựng và phát triển đô thị Việt Yên trở thành một đô thị trung tâm, cửa ngõ phía Tây Nam của tỉnh Bắc Giang. Đến trước năm 2025 phần đầu đô thị Việt Yên đã là thị xã. Đến năm 2027 đạt tiêu chí đô thị loại III và đến năm 2030 trở thành thành phố trực thuộc tỉnh Bắc Giang. Làm cơ sở lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng khung của đô thị theo quy hoạch.

Như vậy, việc lập quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang có tác động tới hoạt động liên kết kinh tế vùng giữa các đơn vị hành chính cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Vì vậy, việc cơ quan tổ chức lập Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua về Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là cần thiết, đảm bảo việc tổ chức lập quy hoạch đô thị phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật về quy hoạch đô thị; đồng thời thống nhất với các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đã được Hội đồng nhân dân thông qua, quyết định theo thẩm quyền.

II. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI LẬP QUY HOẠCH

- Ngày 26/4/2023, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 441/QĐ-TTg về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000.

Sau khi nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt, UBND tỉnh đã giao UBND huyện Việt Yên là cơ quan tổ chức lập quy hoạch. Trong quá trình lập quy hoạch, UBND huyện Việt Yên xin ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư, các cơ quan chuyên môn của tỉnh, Liên hiệp các hội KH&KT Tỉnh; báo cáo thông qua UBND huyện, Ban cán sự đảng UBND tỉnh, UBND tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh. Đến nay đề án đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện để đảm bảo trình thông qua HĐND tỉnh.

III. NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN QUY HOẠCH CHUNG

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn quy hoạch

a) Phạm vi ranh giới lập quy hoạch: Toàn bộ địa giới hành chính huyện Việt Yên, có vị trí địa lý được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp huyện Tân Yên;
- Phía Nam: Giáp thành phố Bắc Ninh và thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh;

- Phía Đông: Giáp huyện Yên Dũng và thành phố Bắc Giang;
- Phía Tây: Giáp huyện Hiệp Hòa và huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

b) Quy mô: Diện tích quy hoạch khoảng 17.101,3ha.

c) Thời hạn lập quy hoạch: Ngắn hạn đến năm 2030, dài hạn đến năm 2045.

2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Khắc phục các nội dung tồn tại của các đồ án quy hoạch trên địa bàn đô thị Việt Yên đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt giai đoạn trước đây về mọi mặt nhằm tránh sự sai khác, chông chéo khi thực hiện lập và điều chỉnh các quy hoạch có liên quan.

- Từ nay đến năm 2030 từng bước xây dựng đô thị Việt Yên theo hướng đồng bộ, hiện đại, bền vững, là động lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và trở thành một trong các đô thị dẫn dắt sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang. Đồng thời vừa bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị văn hóa tiêu biểu của địa phương, khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế, tạo việc làm ổn định sinh kế, nâng cao chất lượng sống người dân huyện Việt Yên.

- Phấn đấu đến trước năm 2025 để Việt Yên đã là thị xã. Đến năm 2027 đạt tiêu chí đô thị loại III và đến năm 2030 trở thành thành phố trực thuộc tỉnh Bắc Giang.

- Làm cơ sở pháp lý để triển khai các quy hoạch phân khu, quy hoạch chung xã và quy hoạch chi tiết.

3. Tính chất đô thị

- Là đô thị thuộc vùng trọng điểm kinh tế phía Tây Nam của tỉnh Bắc Giang gắn với động lực phát triển chủ yếu gồm công nghiệp, đô thị và thương mại dịch vụ.

- Là đô thị cửa ngõ và là đầu mối giao thông đường bộ phía Tây Nam của tỉnh Bắc Giang, có vai trò quan trọng về an ninh quốc phòng của vùng Thủ đô Hà Nội.

4. Các chỉ tiêu phát triển đô thị

a) Quy mô dân số

- Dân số đến năm 2030: khoảng 305.000 người. Trong đó dân số nội thị khoảng 178.155 người, chiếm 58,41% tổng dân số.

- Dân số đến năm 2045: khoảng 450.000 người. Trong đó dân số nội thị khoảng 335.070 người, chiếm 74,46% tổng dân số.

b) Quy mô đất đai

- Đến năm 2030, đất dân dụng khoảng 3.050 ha, đạt bình quân khoảng 100 m²/người.

- Đến năm 2045, đất dân dụng khoảng 4.500 ha, đạt bình quân khoảng 100 m²/người.

5. Tầm nhìn chiến lược phát triển đô thị

Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hoá, phát triển đô thị Việt Yên theo định hướng đô thị công nghiệp và dịch vụ; có hệ thống hạ tầng đô thị

(nhất là hạ tầng khung và hạ tầng xã hội thiết yếu) đồng bộ, hiện đại; kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả; chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị; phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy, gắn với tạo dựng nếp sống văn minh đô thị mới; các nguồn tài nguyên được quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, môi trường được bảo vệ, quốc phòng, an ninh được tăng cường. Phần đầu đô thị Việt Yên trở thành thị xã trước năm 2025. Đến năm 2027 đạt tiêu chí đô thị loại III, trở thành thành phố trực thuộc tỉnh vào năm 2030 với tỷ lệ đô thị hóa khoảng 60 - 75%. Tỷ lệ đô thị hóa năm 2045 đạt khoảng 75 - 85%.

6. Mô hình và cấu trúc phát triển đô thị

Cấu trúc đô thị Việt Yên được xây dựng dựa trên tiềm năng lợi thế, vị trí địa lý, khung hạ tầng hiện có, các định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Theo đó đô thị Việt Yên sẽ có khung chính được hình thành bởi các trục giao thông gồm cao tốc HN - LS, ĐT.398B, ĐT.398 và tuyến kết nối từ cao tốc HN - LS đến QL37 trên địa bàn xã Việt Tiến đoạn giáp với đô thị Hiệp Hòa.

Với “cấu trúc đa trung tâm hình thành 1 tâm và 4 cực phát triển” và mô hình tập trung kết hợp phân tán để phát triển đô thị. Đây là phương án chọn để xây dựng quy hoạch định hướng phát triển đô thị Việt Yên trong lâu dài, trước mắt là thời kỳ đến năm 2045. Trung tâm đô thị được xác định ở khu vực đô thị hiện hữu phát triển theo dạng lan tỏa mở rộng. Vùng trung tâm kết nối với sông Cầu kiến tạo trục không gian chức năng đô thị đa tiện ích.

7. Định hướng phát triển không gian

7.1. Các trục không gian chính

Đồ án Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000 xác định 4 trục không gian chính hình thành các tuyến giao thông đối ngoại động lực, huyết mạch gồm:

- Cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn nối Hà Nội - Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn; qua đô thị Việt Yên đoạn phía Nam từ cầu Như Nguyệt (*xã Quang Châu*) đến xã Tăng Tiến (*phía Đông Nam*) là trục động lực phát triển công nghiệp của Việt Yên nói riêng và tỉnh Bắc Giang nói chung, kết nối các KCN và đô thị phía Đông Nam huyện. Trên trục này đã và đang hình thành nhiều KCN, CCN có quy mô lớn từ Quang Châu đến khu Song Khê - Nội Hoàng.

- ĐT.398 nối các huyện Hiệp Hòa, Việt Yên, Yên Dũng với QL37 qua địa phận Hải Dương và QL18 qua địa phận Bắc Ninh; qua địa bàn Việt Yên kết nối KCN Quang Châu, Tiên Sơn - Ninh Sơn với các vùng bảo tồn văn hóa vật thể và phi vật thể phía Nam của huyện, đồng thời kết nối các KCN phía Tây của đô thị Hiệp Hòa đi vùng phát triển công nghiệp tại thành phố Phổ Yên tỉnh Thái Nguyên. Trên tuyến này cũng đã quy hoạch, đang hình thành các KCN, CCN, khu đô thị, thương mại dịch vụ lớn.

- Trục ĐT.398B (*khu vực phía Bắc*) kết nối từ Bắc Ninh (*có cầu Hà Bắc 2 bắc qua sông Cầu*) kết nối với QL37 tại xã Việt Tiến, tuyến vành đai 5 tại xã

Việt Lập (*huyện Tân Yên*) đi thành phố Bắc Giang. Trên trục này hình thành các KCN Thượng Lan, KCN Minh Đức - Thượng Lan - Ngọc Thiện và các CCN Việt Tiến, Minh Đức. Ngoài ra còn hình thành khu logistics phía Bắc sông Cầu gần với cầu Hà Bắc 2 góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các xã Tiên Sơn, Việt Tiến, Minh Đức, Thượng Lan và Nghĩa Trung.

- Trục Đông Nam - Tây Bắc (QL37): Đây là tuyến giao thông nối từ KCN Đình Trám đến Thái Nguyên đi qua 02 thị trấn Nénh và Bích Động là trung tâm của huyện Việt Yên hiện nay. Trục này góp phần quan trọng cùng với cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn đưa huyện Việt Yên dần trở thành khu vực phát triển năng động nhất trong những năm qua. Đây cũng là trục kết nối vùng công nghiệp phía Đông Nam, KCN ở đô thị trung tâm và cụm công nghiệp phía Tây với đô thị trung tâm Bích Động, đi vùng phát triển công nghiệp đô thị Hiệp Hòa và khu vực phát triển công nghiệp tỉnh Thái Nguyên.

7.2. Các khu vực phát triển đô thị chủ yếu bao gồm

- Đô thị trung tâm hiện hữu: Thị trấn Bích Động là trung tâm chính trị, kinh tế - xã hội, đô thị thương mại dịch vụ, giáo dục đào tạo, văn hóa, thể dục thể thao khu vực trung tâm đô thị Việt Yên.

- Đô thị phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ và logistics: Nénh, Tăng Tiến, Vân Trung, Quang Châu.

- Đô thị phát triển mới chủ yếu tập trung ở các xã: Việt Tiến, Tụ Lạn, Hồng Thái.

- Đô thị sinh thái gồm Quảng Minh, Ninh Sơn.

- Đô thị phát triển du lịch văn hóa tín ngưỡng, bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống tại Vân Hà, Tiên Sơn.

7.3. Hướng phát triển đô thị

- Hướng phát triển thứ nhất: Về tổng thể, đô thị Việt Yên được định hướng phát triển lan tỏa từ đô thị trung tâm là thị trấn Bích Động. Đây là hướng phát triển các khu vực đô thị tổng hợp, bao gồm các chức năng chính về phát triển dân cư đô thị, hành chính, văn hóa, dịch vụ thương mại và du lịch.

- Hướng phát triển thứ hai về phía Nam và Đông Nam huyện, dọc trục cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn và ĐT.295B: Phát triển công nghiệp tập trung và các khu dân cư, dịch vụ phục vụ các KCN, CCN và dịch vụ vui chơi giải trí gắn với núi Nham Biền (*một phần ranh giới thuộc xã Vân Trung*).

- Hướng phát triển thứ ba là dọc tuyến đường ĐT.398, bao gồm các chức năng về công nghiệp (KCN Tiên Sơn - Ninh Sơn, KCN Hòa Yên, CCN Quang Châu, CCN Tiên Sơn), logistics, gắn với dịch vụ thương mại, du lịch văn hóa, tín ngưỡng (cụm di tích chùa Bồ Đà), du lịch thắng cảnh - sân golf Việt, du lịch văn hóa phi vật thể các làng quan họ Ninh Sơn và Nénh, du lịch công đồng gắn với làng nghề truyền thống Vân Hà.

- Hướng phát triển thứ 4 thuộc khu vực phía Bắc: Phát triển phân tán trên cơ sở các KCN, CCN, điểm dân cư hiện có, hình thành các điểm dân cư mới gắn với các KCN, CCN, khu trung tâm xã cung cấp dịch vụ cho các xã khu vực nông thôn phía Bắc đô thị Việt Yên.

7.4. Xác định khu vực nội thị, ngoại thị

- Thành lập thị xã Việt Yên trên cơ sở xác định không gian nội thị gồm các xã Tụ Lạn, Bích Động, Hồng Thái, Tăng Tiến, Quảng Minh, Ninh Sơn, Nénh, Vân Trung và Quang Châu. Đạt 9 phường/17 đơn vị hành chính.

- Thành lập thành phố Việt Yên: Ngoài số 9 phường dự kiến thành lập giai đoạn trước, bổ sung thêm 3 phường gồm Việt Tiến, Tiên Sơn và Vân Hà, giai đoạn này Việt Yên có 12/17 phường và đạt tỷ lệ 70,5% so với yêu cầu $\geq 65\%$.

7.5. Định hướng phát triển các phân khu chức năng đô thị

Đô thị Việt Yên được định hướng thành 04 khu vực phát triển đô thị và 2 khu vực nông thôn cụ thể như sau:

a) Phân khu số 1 (Khu đô thị trung tâm hiện hữu và cải tạo mở rộng):

- Ranh giới gồm thị trấn Bích Động và một phần diện tích các xã Hồng Thái, Quảng Minh, Ninh Sơn và thị trấn Nénh với diện tích khoảng 2388,89 ha, dân số (theo kết quả dự báo) khoảng 78.250 người.

- Tính chất và chức năng chủ yếu là trung tâm chính trị, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao; là đô thị trung tâm hiện hữu, là khu vực phát triển thương mại dịch vụ, đô thị nén và đô thị sinh thái gắn với không gian cây xanh mặt nước và vành đai sông Cồ.

- Vai trò là đô thị hạt nhân ở vị trí trung tâm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực lân cận

b) Phân khu số 2 (Khu đô thị phát triển công nghiệp và logistics phía Đông Nam):

- Ranh giới gồm toàn bộ diện tích các xã Vân Trung, Quang Châu, Tăng Tiến và ranh giới phần lớn thị trấn Nénh, xã Ninh Sơn, xã Quảng Minh, Hồng Thái với diện tích khoảng 4.397ha, dân số (theo kết quả dự báo) khoảng 173.275 người.

- Tính chất và chức năng chủ yếu là khu vực phát triển các KCN, CCN, đô thị mới, hỗn hợp thương mại dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp, logistic, quốc phòng, an ninh...

c) Phân khu số 3 (Khu đô thị của ngõ phía Tây Bắc):

- Ranh giới các xã Tụ Lạn và Việt Tiến, với diện tích khoảng 2095,6ha; dân số (theo kết quả dự báo) khoảng 35.900 người.

- Tính chất và chức năng chủ yếu là khu vực phát triển công nghiệp, nông nghiệp hàng hóa dọc theo hai bên QL37

d) Phân khu số 4 (Khu đô thị du lịch văn hóa lịch sử ven sông Cầu):

- Ranh giới gồm xã Tiên Sơn và Vân Hà với diện tích khoảng 1829 ha, dân số (theo kết quả dự báo) khoảng 42.000 người.

- Tính chất và chức năng chủ yếu là Khu bảo tồn di tích cấp quốc gia đặc biệt chùa Bồ Đà, làng văn hóa du lịch Vân Hà, CCN Vân Hà, các khu dân cư hiện trạng, dân cư nông thôn phát triển mới tại Vân Hà, các cụm dịch vụ thương

mại du lịch, khu vực nông nghiệp và định hướng phát triển công nghiệp khu vực phía Bắc và phía Đông Nam xã Tiên Sơn

e) Khu vực nông thôn (khu số 5, khu số 6):

Khu vực dân cư nông thôn (khu vực ngoại thị) có 5 xã phân bố ở hai khu vực: khu vực phía Bắc (xã Minh Đức, xã Nghĩa Trung và xã Thượng Lan) và khu vực phía Tây (xã Trung Sơn, xã Hương Mai) với tổng diện tích khoảng 6.489,14ha với tổng dân số dự báo đến năm 2045 khoảng 114.930.

7.6. Định hướng phát triển hệ thống trung tâm, công viên, cây xanh và không gian mở.

a) Định hướng phát triển hệ thống trung tâm: Hệ thống trung tâm đô thị Việt Yên được phát triển theo hướng tập trung kết hợp phân tán - đa trung tâm, được phân bố đều khắp đô thị, trong đó hệ thống các trung tâm mới sẽ được phân bố tập trung về phía Đông và Đông Bắc nhằm tạo động lực phát triển đô thị tại khu vực này:

* Các trung tâm hiện hữu:

- Hệ thống trung tâm hành chính - chính trị được phân thành 2 cấp:

+ Trung tâm hành chính - chính trị cấp đô thị: Ổn định tại vị trí hiện hữu nằm trên QL37 tại khu vực trung tâm thị trấn Bích Động. Duy trì trụ sở hành chính huyện (Huyện ủy, HĐND, UBND và các cơ quan trực thuộc, MTTQ và các đoàn thể) ở vị trí hiện hữu, hoàn thiện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất góp phần tạo bộ mặt kiến trúc cảnh quan khu trung tâm đô thị Việt Yên.

+ Trung tâm hành chính cấp xã, phường: Ngoài một số đơn vị hành chính xây dựng ra vị trí mới như Minh Đức, Tiên Sơn, Tụ Lạn, Nghĩa Trung..., còn lại giữ nguyên vị trí hiện trạng, tập trung cải tạo chỉnh trang.

- Hệ thống trung tâm thương mại, dịch vụ logistics, trung tâm công cộng, thể dục thể thao:

+ Các hoạt động thương mại, lưu chuyển, thu, phát các luồng hàng hóa, sản phẩm chính trên địa bàn Việt Yên thuộc khu vực tập trung công nghiệp và dân cư Nam- Tây Nam tỉnh thuộc huyện Việt Yên; theo đó, bố trí các tuyến hành lang, trung tâm đầu mối thương mại, logistics liên vùng, liên khu vực trong tỉnh (tại các xã: Tiên Sơn, Ninh Sơn, Quang Châu). Bố trí phát triển các trung tâm đầu mối dịch vụ thương mại lưu chuyển hàng hóa, sản phẩm chủ yếu tại các đô thị trung tâm tại thị trấn Nénh, và các xã Quang Châu, Ninh Sơn, các khu cửa ngõ đầu mối giao thương trên các tuyến hành lang thương mại chính và tại một số khu vực tập trung KCN, CCN. Đây là khu vực tập trung các KCN, CCN của tỉnh, kết nối giao thông với các tuyến như cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, Nội Bài - Hạ Long, QL.17, ĐT.398, ĐT.398B, tuyến đường thủy sông Cầu, gồm các khu: Khu dịch vụ tổng hợp, logistics, cảng ICD Đông Lỗ - Tiên Sơn (thuộc xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa, xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên); khu dịch vụ tổng hợp, logistics Tiên Sơn - Ninh Sơn; Khu dịch vụ tổng hợp Sen Hồ (Cảng cạn, thương mại dịch vụ logistics hỗn hợp, đô thị tại Sen Hồ).

Tiếp tục xây dựng và hoàn thành quần thể văn hóa thể thao cấp đô thị theo đồ

án quy hoạch chi tiết đã phê duyệt với quy mô 20.000 chỗ ngồi, 1 nhà thi đấu khoảng 2.000 chỗ ngồi, bể bơi và các sân tập thể thao; trung tâm hội nghị tại khu vực trung tâm thị trấn Bích Động.

* Xây dựng mới các trung tâm:

- Xây dựng mới Khu trung tâm thương mại, tài chính và ngân hàng tại khu vực thị trấn Nénh và các đô thị mới Ninh Sơn, Quảng Minh.
- Xây dựng mới bệnh viện đa khoa tiêu chuẩn Quốc Tế tại xã Hương Mai.
- Xây dựng mới Khu trung tâm đào tạo và trung tâm nghiên cứu R&D tại khu vực xã Tự Lạn.
- Xây dựng trung tâm dạy nghề tại xã Thượng Lan

b) Định hướng phát triển hệ thống công viên, cây xanh và không gian mở:

Đô thị Việt Yên với tính chất là vùng phát triển công nghiệp, hiện đã được định hướng quy hoạch không gian công nghiệp xung quanh và một số ở khu vực trung tâm đô thị (lý do là hiện trạng và cụ thể hóa từ Quy hoạch tỉnh Bắc Giang). Vì vậy hệ thống công viên cây xanh cấp đô thị lại càng được chú trọng dành quỹ đất để hạn chế tối đa việc ô nhiễm môi trường, cải thiện và điều hòa chất lượng không khí. Ngoài ra, với điều kiện địa hình tự nhiên có yếu tố trũng thấp ngập nước nên cần tận dụng khai thác để quy hoạch hệ thống công viên kết hợp làm hồ điều hòa nhằm giảm áp lực lên hệ thống thoát nước đô thị.

Khôi phục hệ thống thoát nước Sông Cồ, tạo thành dải cây xanh mặt nước vừa đảm bảo tiêu thoát nước vừa là không gian công viên, cảnh quan.

Toàn bộ đô thị Việt Yên được quy hoạch mới 14 công viên cấp đô thị gắn với các chức năng và tính chất khác nhau và phục vụ cho các mục tiêu cụ thể cho từng phân khu, khu vực phát triển đô thị, nông thôn với quy mô khoảng 394,63ha (*tương ứng với chỉ tiêu khoảng 8,77m²/người*).

7.7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Công nghiệp:

Phát huy lợi thế các khu, cụm công nghiệp cơ bản đã được hình thành, phát triển mở rộng và đầu tư mới các mô hình đô thị công nghiệp tập trung dọc theo các tuyến giao thông huyết mạch Cao tốc HN - LS (*đoạn qua đô thị Việt Yên*), ĐT.398B, ĐT.398 để tạo điều kiện cho mở rộng đô thị hóa tập trung, tạo cơ sở hạ tầng tối ưu cho phát triển các khu công nghiệp hiện đại quy mô lớn. Ưu tiên thu hút các loại hình công nghiệp công nghệ cao, công nghệ điện tử, công nghiệp y sinh, gắn với sự phát triển của các cuộc cách mạng về khoa học công nghệ. Xây dựng các trung tâm nghiên cứu đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ tại thị trấn Bích Động, xã Tự Lạn để tạo nền tảng phát triển đưa Việt Yên trở thành điểm sáng về khoa học công nghệ, sản xuất công nghệ cao của tỉnh và khu vực, tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Quy mô phát triển công nghiệp đến năm 2030 khoảng 2459,95ha.

b) Thương mại, dịch vụ:

Định hướng phát triển các hoạt động thương mại, lưu chuyển, thu, phát các

luồng hàng hóa, sản phẩm chính trên địa bàn đô thị Việt Yên phân bố tập trung tại 3 khu vực gồm: (1) khu vực trung tâm thị trấn Bích Động, thị trấn Nénh và phụ cận; (2) khu vực tập trung công nghiệp và dân cư Nam- Đông Nam thuộc các xã Quang Châu, Nénh, Vân Trung, Tăng Tiến, Hồng Thái; (3) khu vực Bắc-Đông Bắc vùng nông nghiệp và sản xuất tập trung sản phẩm nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao. Theo đó, bố trí các tuyến hành lang, trung tâm đầu mối thương mại, logistics liên vùng, liên khu vực trong đô thị Việt Yên. Duy trì hệ thống các cơ sở dịch vụ thương mại hiện hữu; quy hoạch bổ sung hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị tại các thị trấn và xã lên phường gồm Bích Động, Nénh, Tăng Tiến, Hồng Thái, Vân Trung, Quang Châu, Quảng Minh, Ninh Sơn, Tự Lạn.... Thu hút các dự án không gian thương mại theo các đề án QHCT được duyệt tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện với tổng diện tích khoảng 120,63ha.

c) Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, theo hướng hữu cơ, tập trung quy mô lớn, ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, định hướng theo thị trường, thương hiệu, liên kết theo chuỗi giá trị để tăng năng suất, chất lượng và thu nhập cho nông dân. Đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại. Tập trung sản xuất cây trồng vật nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. Phát triển một số cơ sở giới thiệu và bán sản phẩm chủ lực, đặc trưng của thị xã. Đầu tư hạ tầng giao thông, thủy lợi phục vụ các vùng sản xuất chuyên canh lúa, rau màu, thủy sản. Làm tốt công tác quản lý đê điều, phòng chống thiên tai. Thực hiện tốt Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Hỗ trợ nông dân kết nối với các doanh nghiệp chế biến, hệ thống tiêu thụ sản phẩm, từng bước hình thành mạng lưới sản xuất và cung ứng.

d) Du lịch:

Không gian phát triển du lịch Việt Yên được định hướng thành 2 trung tâm với tính chất tương đối rõ nét gồm vùng phía Tây và vùng phía Đông:

- Vùng phía Tây:

+ Hình thành quần thể các điểm du lịch gồm làng cổ Thổ Hà với các sản phẩm du lịch đặc trưng về kiến trúc, văn hóa, lễ hội, sản phẩm làng nghề truyền thống và cảnh quan làng xóm đặc trưng bên sông Cầu.

+ Khu di tích đặc biệt cấp Quốc gia chùa Bồ Đà

+ Sân golf Việt Yên

- Vùng phía Đông:

+ Khôi phục dòng chảy liên tục từ xã Hương Mai đến xã Nghĩa Trung của vành đai sông Cổ, kiến tạo hệ thống cảnh quan để phát triển du lịch;

+ Khai thác không gian mặt nước rộng lớn gắn với cảnh quan tự nhiên suối Hoàng Thanh xây dựng hình thành khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, lễ hội đường phố, ẩm thực vùng miền...góp phần tạo thêm cực tăng trưởng trong động lực phát triển đô thị Việt Yên theo Phương án ý tưởng quy hoạch Khu đô thị đại công viên MEGA City đã được UBND tỉnh Bắc Giang thông qua.

7.8. Định hướng phát triển hạ tầng xã hội

a) Hệ thống giáo dục đào tạo: Phân bố và phát triển hệ thống, mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo trên cơ sở kế thừa và phát huy những thành quả của hệ thống, mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo hiện có, thiết thực và có hiệu quả. Bố trí quỹ đất cho các cơ sở giáo dục phổ thông phù hợp với quy mô dân số và dự trữ cho các kế hoạch phát triển dài hạn. Dự kiến quy hoạch bổ sung trường trung học phổ thông với tổng diện tích khoảng 7,8ha, quy hoạch mở rộng các trường trung học phổ thông hiện hữu, quy hoạch trường liên cấp, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp được phân bố tại các vị trí phù hợp, đảm bảo bán kính phục vụ cho từng đơn vị ở. Xây dựng Khu trung tâm giáo dục, đào tạo và nghiên cứu - sáng tạo R&D tại xã Tự Lạn có quy mô khoảng 23,64ha. Duy trì và phát triển trường Đại học Nông lâm Bắc Giang với quy mô diện tích hiện hữu.

b) Y tế:

+ Phát triển y tế công lập, thu hút đầu tư cơ sở y tế ngoài công lập với quy mô giường bệnh/10.000 dân đảm bảo trên 3,0 giường bệnh/1.000 dân; giai đoạn sau 2030 đạt chỉ tiêu trên 4 giường bình (giường bệnh)/1000 dân; với quỹ đất tối thiểu 100m²/giường bệnh.

+ Trung tâm Y tế huyện: Tiếp tục đầu tư theo hướng hiện đại, phát triển dịch vụ y tế chuyên sâu, nâng cao năng lực y tế dự phòng. Giai đoạn đến năm 2030 biên chế 300 giường bệnh; đến năm 2045 đạt biên chế 500 giường bệnh.

+ Trạm y tế xã, thị trấn: đảm bảo duy trì 100% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về Y tế giai đoạn đến năm 2030.

+ Xây dựng Trung tâm y tế các KCN tỉnh với quy mô 2,4ha tại khu vực xã Vân Trung.

+ Quy hoạch bổ sung bệnh viện ngoài công lập với quy mô khoảng 14ha khu vực phía Nam ĐT.398B thuộc xã Hương Mai khai thác lợi thế về vị trí và khung hạ tầng giao thông do dễ dàng kết nối đến các khu vực và địa phương lân cận như Bắc Ninh, Hiệp Hòa, Tân Yên

c) Văn hóa, thể dục thể thao: Đầu tư, nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ huyện đến cấp xã, thôn, tổ dân phố, bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn nông thôn mới hoặc cấp đô thị, loại đơn vị hành chính. Thu hút đầu tư, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, khuyến khích phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao ngoài công lập.

d) Quốc phòng, an ninh: Bảo vệ các khu vực đất, công trình quốc phòng, an ninh hiện trạng và các khu vực quy hoạch các công trình quốc phòng, an ninh. Quá trình triển khai các dự án phát triển đô thị, hạ tầng đô thị thực hiện các thỏa thuận theo quy chế phối hợp đảm bảo mục tiêu về quốc phòng, an ninh.

8. Thiết kế đô thị

a) Xác định vùng kiến trúc cảnh quan đô thị:

- Phân vùng nội đô hiện hữu và khu vực cải tạo chỉnh trang:

+ Đối với khu vực dân hiện hữu đã đầu tư xây dựng dọc các tuyến giao thông:

Từng bước chỉnh trang hình thức kiến trúc, hình thành các các vùng cảnh quan đô thị mới, hạn chế xây dựng các công trình cao tầng tại các ô xen kẽ, quản lý chặt chẽ mật độ xây dựng theo quy định để hạn chế tốc độ bê tông hóa toàn tuyến.

+ Đối với các khu vực định hướng phát triển công nghiệp hiện hữu phía Đông, thiết lập và duy trì hành lang xanh cách ly để đảm bảo môi trường và tăng thêm “màu xanh” cho khu vực.

+ Tận dụng các ô đất xen kẽ còn lại trong các vùng lõi khu dân cư bổ sung thêm các không gian mở như: Cây xanh vườn hoa, sân chơi, thể dục thể thao... Hình thành các công viên đô thị, công viên chuyên đề cửa ngõ, tăng cường thêm các tiện ích đô thị cho các tuyến phố để nâng cao chất lượng sống của người dân trong khu vực.

+ Tăng cường thiết kế đô thị và trang thiết bị đô thị, cây xanh vườn hoa theo các trục tuyến chính. Đồng thời kết hợp các hoạt động có sự tham gia của cộng đồng để từng bước chỉnh trang không gian kiến trúc cảnh quan tạo hình ảnh tươi mới hiện đại cho đô thị.

- Phân vùng bảo tồn di tích lịch sử văn hóa tín ngưỡng và làng cổ Thổ Hà:

+ Khu vực cảnh quan ven sông Cầu: Ưu tiên đảm bảo an toàn cho hành lang thoát lũ ven sông kết hợp việc tạo lập trục hành lang xanh đa chức năng ở các vị trí phù hợp. Từng bước kiến tạo thành trục cảnh quan sinh thái chính của đô thị kết nối các trung tâm đa chức năng và đa dạng các hoạt động gắn với các loại hình vui chơi giải trí, cảng logistics.

+ Khu vực làng cổ Thổ Hà: Bảo tồn và khai thác các giá trị văn hóa lịch sử tín ngưỡng, công trình kiến trúc cổ kính và văn hóa quan họ đặc trưng từ đó phát triển thành các điểm du lịch cộng đồng.

- Phân vùng đô thị phát triển mới: Chủ yếu tập trung ở các xã Quảng Minh, Ninh Sơn, Tự Lạn, thị trấn Bích Động. Đây sẽ là khu vực mang lại những hình ảnh đô thị hiện đại, đa tiện ích, ngập tràn không gian xanh và cảnh quan mặt nước sinh động; với vai trò hoàn thiện các chức năng đô thị còn thiếu, đồng bộ gắn kết hài hòa với không gian đô thị hiện hữu. Vì vậy việc tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan các khu vực này cần phải bài bản, có lộ trình, các khu chức năng phát triển mới cần phải đồng bộ về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với khu vực xung quanh và tuân thủ quy hoạch tổng thể về bố cục không gian, chức năng công trình, khối tích tầng cao công trình.

- Khu vực dự kiến phát triển mới: Ngoài 2 thị trấn Bích Động và Nénh, không gian đô thị mới tập trung chủ yếu ở các xã Tự Lạn, Hồng Thái, Quảng Minh, Ninh Sơn, Như Thuyết, Hồng Thái...

- Phân vùng công nghiệp, dịch vụ, đô thị: Ưu tiên phát triển quỹ đất cây xanh tối thiểu theo quy chuẩn trong các khu vực phát triển công nghiệp. Duy trì hệ thống nê-m xanh, vành đai xanh, dải cây xanh cách ly và duy trì quỹ đất nông nghiệp liền kề để làm “đôi trọng” với cảnh quan công nghiệp hóa đô thị.

- Phân vùng phát bảo tồn cảnh quan mặt nước cảnh quan nông nghiệp và du lịch sinh thái: Khu vực cảnh quan thiên nhiên gồm Sông Cầu, suối Hoàng

Thanh, vành đai Sông Cổ, núi Nham Biền (xã Vân Trung), núi Voi, núi Kẻ, núi Hiều, núi Cửa Cạn, núi Bể, núi Nhãn, núi Voi, núi Hang Nấm, núi Trại Am, núi Mỏ Thỏ....

b) Định hướng tổ chức không gian khu vực cửa ngõ đô thị về không gian kiến trúc cảnh quan

- Các công trình điểm nhìn, điểm nhấn, cửa ngõ đô thị

+ Địa hình có núi, đồi và hệ thống sông suối đa dạng, đan xen lẫn nhau, có sự thay đổi cao độ khác nhau tạo nên các điểm nhìn cho khu vực. Chọn vị trí có tầm quan sát tốt bố trí các công trình làm điểm nhấn không gian như núi đồi, ven sông, suối...

+ Điểm nhấn khu trung tâm là điểm nhấn công trình kiến trúc được bố trí tại khu vực trung tâm hành chính huyện, thị trấn Bích Động và các khu vực thương mại dịch vụ có hướng mở ra quảng trường, cây xanh, mặt nước. Các công trình này có chiều cao và khối tích lớn, hình thức kiến trúc hiện đại, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.

+ Điểm nhấn cảnh quan: Trên các khu vực núi, đồi cao, điểm kết không gian mở, các vị trí hướng tâm. Điểm nút giao thông, tại các khu vực cửa ngõ vào khu vực trung tâm đô thị, chủ yếu nằm trên Quốc lộ, ĐT.389, Cao tốc HN - LS. Bố trí những công trình kiến trúc nhỏ có ấn tượng về thị giác, chòi quan sát,... đa dạng về hình thức, tạo hình thiết kế để tạo nên vẻ tự nhiên cảnh quan chung và phục vụ ngắm cảnh du lịch.

c) Tổ chức các trục không gian chính

- Định hướng kiến trúc cho các trục đường chính, các khu vực đặc trưng trong đô thị theo nguyên tắc đảm bảo sự chuyển tiếp về hình ảnh kiến trúc đô thị đã phát triển qua các giai đoạn.

- Đề xuất các trục chính đặc trưng khu vực đô thị:

Các trục không gian chính của đô thị Việt Yên bao gồm vành đai sông Cổ, suối Hoàng Thanh và không gian dọc theo sông Cầu.

+ Khu vực cảnh quan tự nhiên gồm hệ thống đồi núi và sông suối được quy hoạch theo hướng bảo tồn, phát huy giá trị về mặt cảnh quan.

Đối với hệ thống sông suối được định hướng thành hạ tầng khung đô thị, có hệ thống cây xanh và hành lang bảo vệ thuộc phạm vi hạn chế xây dựng và một số khu vực cấm xây dựng; nhất là khu vực sông Cầu để đảm bảo hành lang thoát lũ theo định hướng quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Hệ thống cảnh quan nhân tạo được định hướng phát triển thông qua việc phân bố 14 công viên cấp đô thị và hệ thống cảnh quan trong các khu chức năng đô thị.

d) Tổ chức không gian tại các điểm nhấn đô thị

- Xác định vị trí điểm nhấn của toàn đô thị và từng khu vực đô thị.

- Trong trường hợp điểm nhấn là công trình kiến trúc hoặc cụm công trình

kiến trúc, cần đề xuất định hướng về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan xung quanh cho phù hợp; trường hợp tận dụng cảnh quan tự nhiên làm điểm nhấn cần có định hướng tôn tạo, khai thác.

9. Quy hoạch sử dụng đất đai

Diện tích đất tự nhiên đô thị Việt Yên là 17.101,34 ha:

* Đến năm 2030: Đất dân dụng là 3049,25 ha, chiếm 17,83% tổng diện tích quy hoạch; Đất ngoài khu dân dụng: 6.115,70 ha; chiếm 35,76% tổng diện tích quy hoạch; Đất nông nghiệp và chức năng khác: 7.936,39 ha, chiếm 46,41% tổng diện tích quy hoạch.

* Đến năm 2045: Đất dân dụng là 4496 ha, chiếm 26,20% tổng diện tích quy hoạch; Đất ngoài khu dân dụng: 8.123,72 ha; chiếm 47,34% tổng diện tích quy hoạch; Đất nông nghiệp và chức năng khác: 4.478,70 ha, chiếm 26,10% tổng diện tích quy hoạch.

Bảng cân bằng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2045

Stt	TÊN LOẠI ĐẤT	Giai đoạn 2030			Giai đoạn 2045		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân (m ² /ng)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân (m ² /ng)
I	KHU ĐẤT DÂN DỤNG	3049,25	17,83	99,98	4496	26,20	100
1	Đất đơn vị	1916,54	11,21		2532,68	14,76	
1,1	Đất đơn vị ở hiện trạng	1.499,58	8,77	65,44	1563,80	9,11	68,24
1,2	Đất đơn vị ở mới	416,96	2,44	54,98	968,88	5,65	54,89
2	Đất hỗn hợp (đơn vị ở và dịch vụ công cộng đô thị)	164	0,96	5,38	402,20	2,34	8,94
3	Đất dịch vụ - công cộng đô thị	122,3	0,72	4,01	230,68	1,34	5,13
4	Đất trường trung học phổ thông	15,88	0,09	0,52	31,31	0,18	0,70
5	Đất cơ quan, trụ sở đô thị	15,13	0,09	0,50	17,30	0,10	0,38
6	Đất cây xanh sử dụng công cộng đô thị	205	1,20	6,72	394,63	2,30	8,77
7	Đất giao thông đô thị	481,8	2,82	15,80	693,65	4,04	15,41
8	Hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	128,6	0,75	4,22	193,60	1,13	4,30
II	KHU ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	6.115,70	35,76		8.123,72	47,34	
1	Đất sản xuất công nghiệp, kho tàng	2459,95	14,38		2459,95	14,33	
2	Đất trung tâm đào tạo,	129,85	0,76		148,88	0,87	

Stt	TÊN LOẠI ĐẤT	Giai đoạn 2030			Giai đoạn 2045		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân (m ² /ng)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Bình quân (m ² /ng)
	nghiên cứu						
3	Đất trung tâm y tế	26,38	0,15		28,79	0,17	
4	Đất trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	138,38	0,81		207,57	1,21	
5	Đất dịch vụ, du lịch	77,85	0,46		124,17	0,72	
6	Đất hỗn hợp dịch vụ thương mại, logistics	215,7	1,26		2069,37	12,06	
7	Đất cơ quan, trụ sở ngoài đô thị	4,50	0,03		4,50	0,03	
8	Đất cây xanh hạn chế sử dụng	214,41	1,25		214,41	1,25	
9	Đất cây xanh chuyên dụng	12,60	0,07		46,00	0,27	
10	Đất di tích, tôn giáo	93,09	0,54		93,09	0,54	
11	Đất điểm dân cư nông thôn	1620	9,47		1245,7	7,26	
12	Đất an ninh	39,50	0,23		39,50	0,23	
13	Đất quốc phòng	179,29	1,05		179,29	1,04	
14	Đất giao thông đối ngoại	758,60	4,44		1047,80	6,11	
15	Đất hạ tầng kỹ thuật khác ngoài đô thị	145,60	0,85		214,70	1,25	
III	KHU ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ CHỨC NĂNG KHÁC	7.936,39	46,41		4.478,70	26,10	
1	Đất sản xuất nông nghiệp	5.917,72	34,60		3386,79	19,73	
2	Đất lâm nghiệp	429,64	2,51		229,64	1,34	
2,1	Đất rừng phòng hộ	119,64	0,70		119,64	0,70	
2,2	Đất rừng đặc dụng		-			-	
2,3	Đất rừng sản xuất	310,00	1,81		110,00	0,64	
3	Đất nuôi trồng thủy sản	1.184,67	6,93		422,60	2,46	
4	Đất chưa sử dụng	33,58	0,20		20,15	0,12	
5	Đất hồ, ao, đầm	67,99	0,40		58,72	0,34	
6	Đất sông, suối, kênh, rạch	302,79	1,77		360,80	2,10	
	TỔNG CỘNG:	17.101,34	100		17101,34	100	

10. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

10.1. Giao thông

a) Mạng lưới đường:

- Giao thông đối ngoại:

+ *Đường cao tốc HN - LS*: Quy hoạch 08 làn xe, mặt cắt (A-A) lộ giới 84,50m.

+ *QL.37*: Chiều dài tuyến khoảng 13,6 km. Đoạn qua khu vực công nghiệp Đình Trám chiều dài khoảng 1,8km với mặt cắt (B'-B') có lộ giới 53,5m đến 74,5m. Đoạn còn lại với mặt cắt quy hoạch (B-B) lộ giới 27m.

+ *QL.17*: Chiều dài tuyến khoảng 2 km với quy mô mặt cắt (B''-B'') lộ giới 24m.

+ *ĐT.295B*: Chiều dài khoảng 9,9km, quy mô mặt cắt (D-D) lộ giới 27m.

+ *ĐT.298*: Đoạn từ địa phận xã Minh Đức chiều dài khoảng 8,2km với quy mô mặt cắt (E-E) lộ giới 23,6m. Đoạn còn lại qua một phần thị trấn Nénh, xã Quảng Minh chiều dài khoảng 1,4km với quy mô mặt cắt (E'-E') lộ giới 20,6m.

+ *ĐT.298B (mới)*: Tổng chiều dài tuyến khoảng 12km. Đoạn nối từ *ĐT.295B* đến *ĐT.298* chiều dài khoảng 3km với quy mô mặt cắt (F-F) lộ giới 27m. Đoạn còn lại với quy mô mặt cắt (F''-F'') lộ giới 56m.

+ *ĐT.398*: Đoạn thuộc phạm vi thị trấn Nénh chiều dài khoảng 9,6km với quy mô mặt cắt (C-C) lộ giới 60m. Đoạn qua KCN Yên Lư và KCN Vân Trung chiều dài khoảng 3,4km với quy mô mặt cắt (C'-C') lộ giới 56,5m. Đoạn qua KCN Quang Châu chiều dài khoảng 2km với mặt cắt (C''-C'') lộ giới 32m.

+ *ĐT.398B*: Chiều dài tuyến đi qua địa bàn huyện khoảng 14km. Đoạn từ *QL.37* đi qua xã Việt Tiến, xã Thượng Lan, xã Minh Đức, xã Nghĩa Trung chiều dài khoảng 10km với quy mô mặt cắt (G-G) lộ giới 59m. Đoạn từ *QL.37* đi qua xã Hương Mai, huyện Hiệp Hòa, xã Tiên Sơn chiều dài khoảng với quy mô mặt cắt quy hoạch (G'-G') lộ giới 56,5m.

+ *ĐT.398C*: Đường gom bên phải cao tốc HN-LS chiều dài khoảng 10km với quy mô mặt cắt (A''-A'') lộ giới 20,0m.

+ *ĐT.398D*: Đường gom bên trái cao tốc HN-LS chiều dài khoảng 10km, với quy mô mặt cắt quy hoạch (A'-A') lộ giới 19,5m.

+ *ĐT.294B*: Chiều dài khoảng 3,2 km, với quy mô mặt cắt (H-H) lộ giới 59m.

+ *ĐT.297B*: Chiều dài khoảng 3,7km, với quy mô mặt cắt (I-I) lộ giới 15m.

+ *ĐT.295C*: Chiều dài khoảng 1,2km, với quy mô mặt cắt quy hoạch (I-I) lộ giới 15m.

- Đường trục chính đô thị, đường chính đô thị: Quy hoạch thành hệ thống kết nối linh hoạt, các tuyến giao thông có mặt cắt từ 27m đến 60m.

b) Hệ thống công trình phục vụ giao thông.

- Quy hoạch xây dựng 05 cầu qua sông Cầu và 04 cầu qua ngòi Đa Mai 7 cầu vượt qua đường cao tốc và đường sắt.

- Bến xe: Quy hoạch 7 bến xe gồm 1 bến xe liên tỉnh và 6 bến xe kết hợp bãi đỗ xe tỉnh.

- Bãi đỗ trực thăng: 01 bãi đỗ trực thăng với quy mô khoảng 2ha tại xã Tiên Sơn nằm cạnh KCN Tiên Sơn - Ninh Sơn.

c) Đường sắt

- Nghiên cứu phương án xây dựng mới tuyến Hà Nội (Yên Viên) - Lạng Sơn (Đồng Đăng) khổ 1.435mm điện khí hóa, trong đó có khoảng 11,7km đi qua địa bàn huyện Việt Yên.

- Hệ thống nhà ga: Mở rộng ga Sen Hồ vừa phục vụ hàng hóa, hành khách quy mô khoảng 20ha tại thị trấn Nénh.

d) Đường thủy

* Đường thủy nội địa quốc gia:

- Tuyến giao thông đường thủy chính khu vực miền Bắc: Phả Lại - Đa Phúc với tổng chiều dài là 86km trong đó, đoạn tuyến đi qua địa bàn huyện khoảng 27km.

- Cảng tổng hợp: Quy hoạch mới 04 cảng tổng hợp loại III.

- Cảng chuyên dùng: Quy hoạch 02 cảng chuyên dùng loại III.

* Cảng cạn: Quy hoạch 03 cảng cạn.

* Đường thủy nội địa: Đầu tư nạo vét các tuyến đường thủy có thủy văn ổn định và Quy hoạch 03 cảng.

10.2. Chuẩn bị kỹ thuật

a) Nền xây dựng

- Dọc các trục đường cao tốc HN - LS, QL.37, ĐT.295B, ĐT.298, ĐT.298B, ĐT.398, ĐT.398B, ĐT.398C, ĐT.398D, các tuyến đường nội thị của thị trấn Bích Động, Thị trấn Nénh, đường các KCN, đường liên thôn hiện có giữ nguyên cao độ nền đường và cao độ nền xây dựng của các công trình, chỉ san gạt cục bộ. Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, chỉ san ủi cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Có giải pháp kê gia cố nền móng công trình, nền đường giao thông. Bố trí mương hở đón nước mưa từ trên núi xuống để bảo đảm an toàn cho công trình.

- Khống chế cao độ nền tại một số đô thị và KCN:

+ Cao độ nền xây dựng tối thiểu tại thị trấn Nénh: $H_{xdmin} \geq 4,50m$.

+ Cao độ nền xây dựng tối thiểu tại thị trấn Bích Động: $H_{xdmin} \geq 6,00m$.

b) Giải pháp thoát nước mưa

Hướng thoát nước chính là Tây Bắc - Đông Nam, Bắc - Nam và Tây - Đông, phân chia làm 05 lưu vực chính, các lưu vực chủ yếu thoát vào các hệ thống tiếp nhận gồm

- Lưu vực 1: Hướng thoát về ngòi Phú Khê qua huyện Tân Yên.

- Lưu vực 2: Hướng thoát về sông Cỏ và ngòi Đa Mai, qua thành phố Bắc Giang cuối cùng thoát ra sông Thương.

- Lưu vực 3: Hướng thoát về ngòi Cống Bún, sau đó về trạm bơm Cống Bún để bơm cưỡng bức ra sông Thương.

- Lưu vực 4: Hướng thoát về sông Cầu qua các trạm bơm tiêu Việt Hòa, Trúc Núi, Hữu Nghi, Nội Ninh Đông Tiến và Trúc Tay sau đó hướng thoát về sông Cầu.

- Lưu vực 5: Hướng thoát về ngòi Yên Ninh (*huyện Hiệp Hòa*) rồi tự chảy ra sông Cầu.

10.3. Cấp nước:

a) Nhu cầu cấp nước

- Nhu cầu cấp nước sinh hoạt (*lấy tròn*):

+ Giai đoạn 2023-2030: $Q_{shtb} = 68.380 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

+ Giai đoạn: 2031-2045: $Q_{shtb} = 114.330 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

- Nhu cầu cấp nước công nghiệp:

+ Giai đoạn 2023-2030: $Q_{cntb} = 40.930 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

+ Giai đoạn: 2031-2045: $Q_{cntb} = 50.190 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

b) Nguồn nước:

Lấy nước từ nhà máy cấp nước sạch trong khu vực, cụ thể:

* Giai đoạn 2023-2030:

- Nước sinh hoạt được lấy các nguồn: Nâng công suất nhà máy nước Việt Yên lên $25.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; nâng công suất trạm cấp nước thôn Thổ Hà lên $2.500 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; nâng công suất trạm cấp nước thôn Yên Viên xã Vân Hà lên $2.500 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; nâng công suất nhà máy nước Quang Châu lên $18.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; xây dựng mới nhà máy nước Tiên Sơn công suất $12.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; bổ sung lưu lượng khoảng $37.900 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ từ dự án DNP Bắc Giang và khoảng $15.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ từ nhà máy nước Hiệp Hòa để cung cấp khi hệ thống có sự cố hoặc cần cung cấp nước bổ sung.

- Nước cho khu công nghiệp lấy các nguồn: Nâng công suất nhà máy nước KCN Quang Châu lên $27.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; nhà máy nước Vân Trung $12.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; xây dựng mới nhà máy nước Tiên Sơn cấp cho KCN Hòa Yên và KCN Thượng Lan - Minh Đức có công suất đến năm 2030 khoảng $12.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$. KCN Việt Hàn sẽ được cấp nước từ ống nước dự án DNP Bắc Giang khoảng $3.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

* Giai đoạn 2031-2045:

- Nước cho sinh hoạt lấy các nguồn: Nâng công suất nhà máy nước Việt Yên lên $60.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; nâng công suất trạm cấp nước thôn Thổ Hà xã Vân Hà lên $2.500 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; nâng công suất trạm cấp nước thôn Yên Viên xã Vân Hà lên $2.500 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; nâng công suất nhà máy nước Quang Châu lên $30.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; nâng công suất nhà máy nước Tiên Sơn lên $30.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$; bổ sung lưu lượng khoảng $60.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ từ dự án DNP Bắc Giang và khoảng $20.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ từ nhà máy nước Hiệp Hòa để cung cấp khi hệ thống có sự cố hoặc cần cung cấp nước bổ sung.

- Nước cho khu công nghiệp lấy các nguồn: Nhà máy nước Tiên Sơn cấp cho KCN Hòa Yên, KCN Thượng Lan và KCN Thượng Lan - Minh Đức - Ngọc Thiện được nâng công suất lên khoảng 30.000 m³/ngđ. KCN Việt Hàn sẽ được cấp nước từ dự án DNP Bắc Giang khoảng 6.000 m³/ngđ.

10.4. Thoát nước thải, Quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

a) *Thoát nước thải*: Nước thải sinh hoạt được thu gom và thoát về Trạm xử lý nước thải tập trung của khu vực. Bố trí thu gom nước thải phân chia thành 05 lưu vực với 5 trạm xử lý nước thải tập trung đáp ứng công suất xử lý theo tính toán. Nước thải công nghiệp, y tế được xây dựng sử dụng riêng hoàn toàn với các trạm xử lý nước thải sinh hoạt.

b) *Quản lý chất thải rắn(CTR)*: Bố trí các điểm tập kết CTR tại các khu vực cây xanh trong đô thị với bán kính khoảng 2km một điểm. CTR của huyện Việt Yên sẽ được đưa về khu xử lý CTR của thành phố Bắc Giang.

Chất thải rắn công nghiệp và CTR nguy hại được đưa về xử lý tại khu xử lý CTR cấp vùng của tỉnh.

c) *Nghĩa trang*: Các nghĩa trang nhỏ lẻ của các thôn từng bước sẽ dùng chôn cất, kết hợp tuyên truyền, vận động sử dụng hình thức hỏa táng để phù hợp với văn minh đô thị. Lâu dài sẽ sử dụng nghĩa trang vùng huyện và vùng tỉnh. Quy hoạch bổ sung nghĩa trang với mô hình công viên vĩnh hằng cấp đô thị tại khu vực phía Bắc tại xã Nghĩa Trung và xã Minh Đức với diện tích khoảng 22,34ha.

10.5. Cấp điện:

Sử dụng nguồn và lưới điện hiện trạng gồm 2 trạm 220kV và 5 trạm 110kV hiện có. Xây dựng Nhà máy điện mặt trời Việt Yên công suất 49,6 MWp tại tổ dân phố Đông, thị trấn Bích Động để đáp ứng nhu cầu cấp điện cho đợt đầu đến năm 2030 tổng công suất khoảng 500,47 MVA và dài hạn đến năm 2045 tổng công suất khoảng 799,63 MVA.

Trạm biến áp: Xây dựng mới các trạm biến áp 220kV, 110kV, đồng thời cải tạo, nâng cấp các trạm biến áp 220 kV, 110kV hiện trạng đáp ứng nhu cầu.

Chiếu sáng đô thị: Cải tạo, hoàn chỉnh hệ thống chiếu sáng đô thị theo tiêu chuẩn quy định, ứng dụng điều khiển tự động và bán tự động hệ thống đèn đường. Tại các điểm nhấn kiến trúc đô thị thiết kế chiếu sáng cảnh quan.

Khuyến khích hạ ngầm các tuyến điện khi điều kiện cho phép, đặc biệt tại các khu vực trung tâm phát triển đô thị, dịch vụ

10.6. Thông tin liên lạc:

- Tất cả lộ trình ngầm hóa mạng viễn thông và tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng thu phát cần tuân thủ theo Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động tỉnh Bắc Giang đã được phê duyệt theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND và Kế hoạch số 5217 ngày 30/11/2020 về việc ngầm hóa cáp TTLL trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc đảm bảo nhu cầu sử dụng và mỹ quan đô thị, đảm bảo bán kính phục vụ. Quy hoạch các vị trí đặt trạm BTS thận thiện với môi trường với bán kính phục vụ từ 150-200m 1 trạm. Sử dụng chung

hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động cho các nhà cung cấp dịch vụ.

11. Biện pháp bảo vệ môi trường:

a) Các giải pháp phi công nghệ:

- Tăng diện tích cây xanh cách ly giữa các KCN, trung chuyển hàng hóa, đầu mối hạ tầng kỹ thuật, thương mại dịch vụ và khu dân cư, khu vực đường sắt;

- Bố trí cây xanh giao thông hợp lý, tăng cường dải cây xanh cách ly trên các tuyến trục giao thông chính, đường sắt (Đặc biệt với khu vực dân cư, bệnh viện, trường học...)

- Chính sách ưu tiên đầu tư và ưu đãi cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp có áp dụng công nghệ hiện đại, sử dụng năng lượng sạch, có biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường hiệu quả và sử dụng lao động địa phương; Đồng thời xử phạt nghiêm khắc đối với những cơ sở sản xuất gây ô nhiễm trong khu vực;

- Tăng cường công tác giám sát và quản lý môi trường.

b) Các giải pháp công nghệ, kỹ thuật:

- Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt: Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt như trong quy hoạch đã đề xuất.

- Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp: Nước thải công nghiệp phải được xử lý đầy đủ theo các bước như trong quy hoạch đề xuất, nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT;

- Thu gom hiệu quả, tăng cường công tác phân loại rác tại nguồn, vận chuyển chất thải rắn về khu xử lý chất thải của khu vực theo như quy hoạch đã đề xuất. Đặc biệt đối với chất thải nguy hại cần được quản lý chặt chẽ và đưa về khu xử lý chất thải nguy hại vùng theo đúng tiêu chí kỹ thuật; Xây dựng và cải tạo chỉnh trang các nghĩa trang phục vụ cho dân cư như trong quy hoạch đã đề xuất.

12. Các quy hoạch, chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:

- Hoàn thiện đồng bộ hệ thống công cụ quản lý về quy hoạch, phát triển đô thị gồm: Lập và phủ kín hệ thống quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý kiến trúc, quy chế bảo tồn, quy chế cải tạo; chương trình phát triển đô thị; đề án nâng cấp các đô thị; đề án sáp nhập; triển khai các dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội làm tiền đề cho phát triển đô thị hướng đến đô thị loại III vào năm 2027.

- Tập trung ưu tiên cho các dự án có thế mạnh, động lực, tiềm năng cho phát triển kinh tế của địa phương như: Các khu, cụm công nghiệp, khu nghiên cứu R&D; dịch vụ logistics, khu đô thị, dịch vụ thương mại cấp vùng và dịch vụ du lịch cấp vùng...

- Với nguồn vốn ngân sách còn hạn chế, do đó cần phải có các giải pháp cụ thể để huy động nguồn lực ngoài ngân sách, các nguồn vốn hỗ trợ, vốn vay,...

Trên đây là những nội dung chính của đề án Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000 đã được tiếp thu, giải trình và

hoàn thiện. UBND tỉnh Bắc Giang trình HĐND tỉnh Bắc Giang xem xét, thông qua để làm căn cứ thực hiện các bước tiếp theo./.

(Có hồ sơ Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000 kèm theo)

Nơi nhận:

- Như trên (5b);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Việt Yên;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, KTN;
- Lưu: VT, XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích